

**B GIÁO D C VÀ ÀO T O
I H CHU
TR NG I H C KINH T**

NG H NG S N

**PHÁT TRI N KINH T T NHÂN
Ở THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**LU N V N TH C S KHOA H C KINH T
NH H NG NGHIÊN C U**

HU , 2018

B GIÁO D C VÀ ÀO T O
I H C HU
TR NG I H C KINH T

NG H NG S N

PHÁT TRI N KINH T T NHÂN
THÀNH PH HU , T NH TH A THIÊN HU

Chuyên ngành : Kinh t chính tr
Mã s : 8310102
nh h ng ào t o: Nghiên c u

LU N V N TH C S KHOA H C KINH T

NG I H NG D N KHOA H C: TS. TR N XUÂN CHÂU

HU , 2018

L I C A M O A N

Tôi xin cam oan rằng, số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực và hoàn toàn chính xác dựa trên cơ sở dữ liệu thực tế và tài liệu tham khảo nào. Và mong muốn được giúp đỡ để thực hiện luận văn này càng sớm càng tốt và các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được ghi rõ nguồn gốc.

Tác giả luận văn

Nguyễn Hoàng Sơn

L I C M N

hoàn thành luận văn này, trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn TS.Trần Xuân Châu đã dành nhiều thời gian tận tình hướng dẫn, chỉ bảo và giúp đỡ cho tôi trong suốt quá trình thực hiện tài này.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn Ban Giám hiệu Nhà trường, các thầy, cô giáo, đặc biệt là các thầy, cô trong Khoa Kinh tế Chính trị, Trường Đại học Kinh tế Huế, Phòng Đào tạo sau đại học, những người đã truyền đạt cho tôi những kiến thức bổ ích trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường.

Tôi xin chân thành cảm ơn Thành ủy Huế, UBND thành phố Huế, phòng Kinh tế, Chi cục Thuế thành phố Huế; Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư và những doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN đã cung cấp những số liệu, tài liệu cần thiết và giúp đỡ tôi trong quá trình tìm hiểu nghiên cứu tài liệu này.

Trong quá trình học tập và thực hiện luận văn tôi đã nhận được sự giúp đỡ của các bạn và gia đình. Tôi xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ và ghi nhận những tình cảm quý báu đó.

Xin trân trọng cảm ơn!

Thành phố Huế, ngày 20 tháng 9 năm 2018
Tác giả luận văn

Nguyễn Hoàng Sơn

TÓM LƯỢC LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Họ và tên: **NGUYỄN NGUYỄN SỸ**

Chuyên ngành: **KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

Ngành đào tạo khoa học: **TS CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ**

Tên đề tài: **PHÁT TRIỂN KINH TẾ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, TỈNH THẠCH KHÊ**

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế tài chính có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhận thức được điều này, doanh nghiệp kinh tế tài chính thành phố Hồ Chí Minh không ngừng phát triển và có nhiều đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, bất cập và vướng mắc. Vì vậy, nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng phát triển, các nhân tố tác động của KTTN tài chính phát triển kinh tế thành phố Hồ Chí Minh là rất cần thiết, góp phần có các giải pháp thúc đẩy KTTN tài chính phát triển. Đặc biệt, sau khi có Nghị quyết Trung ương 5 (khoá XII), vẫn nghiên cứu phát triển KTTN thành phố Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết và cấp bách. Vì vậy, tôi chọn đề tài: “*Phát triển kinh tế tài chính thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thạch Khê*” làm luận văn cao học chuyên ngành Kinh tế Chính trị.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn áp dụng một số phương pháp nghiên cứu vi mô và nghiên cứu vĩ mô: Phương pháp thống kê mô tả, thu thập số liệu, phương pháp phân tích kinh tế, phương pháp điều tra khảo sát thực tế.

3. Kết quả nghiên cứu

Góp phần làm rõ thêm cơ sở lý luận và thực tiễn và bằng minh chứng các số liệu thực tế, luận văn khẳng định phát triển KTTN là nhiệm vụ trọng tâm, mối liên quan quan trọng cho sự phát triển kinh tế, nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế và nâng cao thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, thành phố Hồ Chí Minh phát triển mạnh mẽ kinh tế, trở thành đô thị hiện đại, ngành kinh tế phát triển của tỉnh Thạch Khê thì cần phải chú trọng phát triển KTTN trong thời gian tới.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL	Cán bộ quản lý
CN	Công nghiệp
CNH-H H	Công nghiệp hóa - hiện đại hóa
CSH	Chức vụ
CT	Công ty
CTCP	Công ty cổ phần
CTTNHH	Công ty trách nhiệm hữu hạn
DN	Doanh nghiệp
DNTN	Doanh nghiệp tư nhân
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
DT	Doanh thu
DV	Dịch vụ
VT	Giá trị tính
GNP	Tổng sản phẩm quốc dân
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
KD	Kinh doanh
KTTN	Kinh tế tư nhân
LN	Lợi nhuận
NSL	Người sử dụng lao động
PCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
PTBQ	Phát triển bình quân
PTKT	Phát triển kinh tế
PTKTTCR	Phát triển kinh tế theo chiều rộng
PTKTTCS	Phát triển kinh tế theo chiều sâu
TM - DV	Thương mại dịch vụ
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSC	Tài sản cố định
TTCN	Tiêu thụ công nghiệp
UBND	Ủy ban nhân dân
XD	Xây dựng
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

M C L C

	Trang
L i cam oan.....	i
L i c m n.....	ii
Tóm l c lu n v n th c s kinh t	iii
Danh m c các ch vi t t t.....	iv
M c l c.....	v
Danh m c b ng bi u, hình v	viii
Danh m c hình v	x
M U.....	1
1. Tính c p thi t c a tài.....	1
2. M c tiêu nghiên c u.....	2
3. i t ng và ph m vi nghiên c u.....	2
4. Ph ng pháp nghiên c u.....	3
5. K t c u c a tài.....	4
Ch ng 1. C S LÝ LU N VÀ TH C TI N V PHÁT TRI N KINH T	
T NHÂN.....	5
1.1. C s lý lu n v phát tri n kinh t t nhân.....	5
1.1.1. M t s khái ni m c b n.....	5
1.1.2. Phân lo i v kinh t t nhân.....	9
1.1.3. c i m kinh t t nhân.....	12
1.1.4. N i dung phát tri n kinh t t nhân.....	13
1.1.5. Xu h ng phát tri n kinh t t nhân Vi t Nam.....	19
1.1.6. Tiêu chí ánh giá s phát tri n kinh t t nhân.....	21
1.1.7. Các nhân t tác ng n phát tri n kinh t t nhân.....	24
1.1.8. Vai trò c a kinh t t nhân.....	27
1.2. C s th c ti n v phát tri n kinh t t nhân.....	30
1.2.1. Kinh nghi m phát tri n kinh t t nhân m t s n c.....	30
1.2.2. Kinh nghi m phát tri n kinh t t nhân m t s a ph ng.....	32

1.2.3. Kinh nghiệm rút ra cho phát triển KTTN thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh Thiên Hộ	34
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THIÊN HỘ	37
2.1. Cơ cấu kinh tế, kinh tế - xã hội hiện nay của thành phố Hồ Chí Minh	37
2.1.1. Cơ cấu kinh tế	37
2.1.2. Cơ cấu kinh tế - xã hội	38
2.1.3. Đánh giá chung và bàn nghiên cứu	42
2.2. Thực trạng phát triển kinh tế tế nhân thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh Thiên Hộ	43
2.2.1. Tình hình phát triển sản xuất doanh nghiệp khu vực KTTN	43
2.2.2. Cơ cấu loại hình doanh nghiệp khu vực KTTN	44
2.2.3. Tình hình năng lực khai thác, sử dụng nguồn lực trong phát triển KTTN thành phố Hồ Chí Minh	48
2.2.4. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc khu vực KTTN	60
2.2.5. Đóng góp của khu vực KTTN vào sự phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh	64
2.3. Đánh giá chung thực trạng phát triển KTTN thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2017	69
2.3.1. Kết quả đạt được	69
2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế	74
Chương 3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THIÊN HỘ	80
3.1. Quan niệm và định hướng phát triển KTTN	80
3.2. Mục tiêu	81
3.2.1. Mục tiêu tổng quát	81
3.2.2. Chỉ tiêu cụ thể	81
3.3. Giải pháp phát triển KTTN thành phố Hồ Chí Minh	82

3.3.1. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, nguồn vốn tín dụng và hiệu quả sử dụng vốn cho doanh nghiệp	82
3.3.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách.....	83
3.3.3. Giải pháp phát triển thị trường.....	85
3.3.4. Giải pháp và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị cho khu vực kinh tế tư nhân.....	85
3.3.5. Giải pháp cạnh tranh theo từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh.....	86
3.3.6. Giải pháp tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, chính quyền các cấp; nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và vị trí phát triển kinh tế tư nhân.....	89
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	93
1. KẾT LUẬN.....	93
2. KIẾN NGHỊ	94
2.1. Vị trí Trung ương	94
2.2. Vị trí tỉnh Thừa Thiên Huế	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO	95
QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	
BIÊN BẢN CÔNG AN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN	
NHẪN XÉT LUẬN VÀ NHẬN ĐỊNH CỦA PHẢN BIẾN 1	
NHẪN XÉT LUẬN VÀ NHẬN ĐỊNH CỦA PHẢN BIẾN 2	
BẢN GIẢI TRÌNH CHI NHẢY ALU VÀ VỐN	
XÁC ĐỊNH HOÀN THIỆN LUẬN VÀ VỐN	

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH V

Số hiệu bảng	Tên bảng	Trang
Bảng 2.1:	Mô hình tiêu kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh	40
Bảng 2.2:	Số lượng doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN đang hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh	43
Bảng 2.3:	Số lượng doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh phân theo các ngành kinh tế (tính đến 31/12/2017)	45
Bảng 2.4:	Phân bố doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN theo địa giới hành chính	47
Bảng 2.5:	Tổng hợp vốn trong các doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh đăng ký kinh doanh	48
Bảng 2.6:	Vốn sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh năm 2017	50
Bảng 2.7:	Tài sản cố định của các doanh nghiệp nộp thuế khu vực kinh tế tư nhân thành phố Hồ Chí Minh tính đến 31/12/2017	51
Bảng 2.8:	Trình độ chuyên môn của chủ doanh nghiệp nộp thuế khu vực kinh tế tư nhân thành phố Hồ Chí Minh	52
Bảng 2.9:	Số lượng lao động trong các doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh	53
Bảng 2.10:	Số lượng lao động trong các doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh phân theo ngành nghề sản xuất kinh doanh	54
Bảng 2.11:	Tình hình lao động theo giới tính và theo trình độ của doanh nghiệp nộp thuế khu vực kinh tế tư nhân thành phố Hồ Chí Minh	55
Bảng 2.12:	Tình hình sử dụng công nghệ thông tin của doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh theo mức đầu tư	57
Bảng 2.13:	Thị trường tiêu thụ chính của doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh theo mức đầu tư	59
Bảng 2.14:	Các công cụ quảng cáo chính của doanh nghiệp nộp thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh theo mức đầu tư	59

B ng 2.15: Doanh thu, l i nhu n c a các doanh nghi p thu c khu v c KTTN thành ph Hu	60
B ng 2.16: Hi u qu s n xu t, kinh doanh c a doanh nghi p thu c khu v c KTTN thành ph Hu n m 2017	63
B ng 2.17: C c u giá tr s n xu t khu v c kinh t t nhân thành ph Hu phân theo ngành ngh	64
B ng 2.18: T ng m c bán l hàng hóa, doanh thu d ch v l u trú n u ng c a khu v c kinh t t nhân thành ph Hu	66
B ng 2.19: Giá tr s n xu t công nghi p c a khu v c kinh t t nhân thành ph Hu	67
B ng 2.20: Tình hình n p ngân sách c a doanh nghi p thu c khu v c KTTN thành ph Hu	68
B ng 2.21: ánh giá v chính sách phát tri n c a doanh nghi p thu c khu v c KTTN thành ph Hu theo m u i u tra.....	71
B ng 2.22: ánh giá c h ng các chính sách u ãi c a doanh nghi p khu v c KTTN thành ph Hu theo m u i u tra.....	71
B ng 2.23: M c quan tr ng các chính sách u ãi doanh nghi p thu c khu v c KTTN thành ph Hu	73
B ng 2.24: Chính quy n a ph ng ã h tr gì cho doanh nghi p thu c khu v c KTTN thành ph Hu theo m u i u tra.....	74
B ng 2.25: Nh ng khó kh n c a các doanh nghi p thu c khu v c KTTN thành ph Hu c i u tra	75

DANH MỤC HÌNH V

S hi u hình	Tên hình	Trang
Hình 2.1:	S l ng các doanh nghi p thu c khu v c kinh t t nhân thành ph Hu n m 2017 phân theo lo i hình doanh nghi p.....	44
Hình 2.2:	Quy mô v n c a các doanh nghi p KTTN giai o n 2013-2017.....	49
Hình 2.3:	Lao ng trong các doanh nghi p thu c khu v c KTTN giai o n 2013-2017	1
Hình 2.4:	Doanh thu c a các doanh nghi p KTTN giai o n 2013-2017.....	1
Hình 2.5:	L i nhu n c a các doanh nghi p KTTN giai o n 2013-2017	1

M U

1. Tính cấp thiết của tài

Phát triển kinh tế thị trường nhân có ý nghĩa quyết định quan trọng trong quá trình hoàn thiện thị trường, phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Hiện nay, kinh tế thị trường duy trì tốc độ tăng trưởng khá, chiếm 39-40% GDP; thu hút khoảng 85% lực lượng lao động xã hội kinh tế, góp phần quan trọng trong huy động các nguồn lực xã hội cho phát triển sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, tăng thu ngân sách nhà nước, tạo việc làm, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội [12].

“Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa và lĩnh vực kinh tế, trở thành một ngành lực lượng quan trọng của nền kinh tế” [10]. Điều này mở ra cơ hội lớn cho thành phần kinh tế thị trường không ngừng phát triển mạnh mẽ, đóng góp vào sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước.

Văn kiện Hội nghị Trung ương 5 (khóa XII) cũng khẳng định quan điểm về phát triển kinh tế thị trường nhân: “Phát triển kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, tất yếu, và lâu dài trong quá trình hoàn thiện thị trường, phát triển nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa nước ta; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển” [11].

Thành phố Huế là đô thị loại I thu nhập thấp Thiên Huế, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội của tỉnh; nơi hội tụ nhiều tiềm năng và lợi thế phát triển nhiều loại hình doanh nghiệp. Nhưng nhìn chung, kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa thành phố Huế không ngừng phát triển, tăng bước khai thác có hiệu quả các nguồn lực và có nhiều đóng góp quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Huế.

Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế, bất cập trong việc: thu hút môi trường đầu tư, kinh doanh; hỗ trợ các cơ chế, chính sách, khuyến khích sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý;

nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Tình hình trên đòi hỏi phải nghiên cứu, tìm hiểu, đánh giá đúng thực trạng phát triển, công nhận tác động của kinh tế - xã hội thành phố Huế tới sự phát triển kinh tế là rất cần thiết, đặc biệt, kịp thời có các giải pháp phát huy những mặt mạnh, hạn chế những tác động và có các chính sách thúc đẩy KTTN tiếp tục phát triển theo đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa XII).

Xuất phát từ thực tế trên, tôi chọn tài liệu: **“Phát triển kinh tế - xã hội thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế”** làm luận văn thạc sĩ kinh tế của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tình hình phát triển của KTTN thành phố Huế từ năm 2013 - 2017. Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy sự phát triển các doanh nghiệp thu nhập khu vực kinh tế - xã hội thành phố Huế trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế - xã hội.
- Phân tích thực trạng và yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2017 của 3 loại hình doanh nghiệp tại thành phố Huế: Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân.
- Đề xuất những giải pháp, giải pháp phát triển các doanh nghiệp thu nhập khu vực KTTN thành phố Huế năm 2022 và những năm tiếp theo.

3. Nội dung và phạm vi nghiên cứu

3.1. Nội dung nghiên cứu:

- Nội dung nghiên cứu: Là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội thành phố Huế.
- Nội dung khảo sát: Các doanh nghiệp thu nhập khu vực kinh tế - xã hội thành phố Huế: Công ty TNHH, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Về thời gian: Tài liệu trung nghiên cứu trong giai đoạn 2013 - 2017. Những giải pháp năm 2022 và những năm tiếp theo.

- *Nội dung*: Tập trung nghiên cứu thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển doanh nghiệp thu thuế khu vực kinh tế tư nhân thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thừa Thiên Huế qua các loại hình doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.

4. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận cơ bản nghiên cứu và chỉ đạo nghiên cứu duy vật lịch sử, luận văn áp dụng một số phương pháp nghiên cứu vi mô để nghiên cứu như:

4.1. Phương pháp thu thập số liệu

Để làm rõ hơn về phát triển kinh tế tư nhân thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Thừa Thiên Huế, trong quá trình nghiên cứu tác giả sử dụng dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp.

- *Số liệu thứ cấp*: Dữ liệu sử dụng dữ liệu thống kê Niên giám thống kê thành phố Hồ Chí Minh; các giáo trình, Văn kiện Đảng, nghị quyết của Trung ương và Thành ủy Hồ Chí Minh; nguồn số liệu từ Sổ Kế hoạch - Xuất nhập, các báo cáo thống kê công tác từ năm 2013 - 2017 của UBND thành phố Hồ Chí Minh. Các nguồn tài liệu khác như: sách, báo, tạp chí, internet.

- *Số liệu sơ cấp*: Số liệu thu thập thông qua việc phát phiếu khảo sát điều tra 100 doanh nghiệp thu thuế khu vực KTTN thành phố Hồ Chí Minh dựa trên bảng hỏi chi tiết kèm số. Tổng số phiếu thu được dựa trên công thức $n = N / (1 + N * e^2) = 2.139 / (1 + 2.139 * (0,1)^2) = 85,5$ (tác giả làm tròn 100 phiếu điều tra), tỷ lệ thu được về các loại hình doanh nghiệp đang hoạt động là 31,6% DN là DNTN, 56,19% DN là CTTNHH, 12,20% DN là CTCP. Tổng số doanh nghiệp ra 32 DN là DNTN, 56 DN là CTTNHH, 12 DN là CTCP. Sau đó tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện chọn các doanh nghiệp trong tổng thể điều tra theo bảng câu hỏi; tập trung vào việc điều tra các chính sách, chính sách, vướng mắc, khó khăn... để có tác giả luận văn xuất các giải pháp nhằm khắc phục tồn tại yếu kém cho kinh tế tư nhân thành phố Hồ Chí Minh phát triển mạnh mẽ.

4.2. Phương pháp phân tích thống kê và xử lý số liệu

Các tài liệu sau khi được thống kê số liệu hành động, phân tích dựa trên các nội dung của nghiên cứu. Kết hợp giữa các thông tin từ nguồn số liệu thứ cấp và sơ cấp phản ánh thực trạng phát triển KTTN.

Phương pháp này gồm:

- Thống kê mô tả và thống kê so sánh các số liệu
- Xử lý số liệu tính toán bằng phần mềm excel

Dựa trên các số liệu thống kê và số liệu thu thập được, tác giả tiến hành thống kê, lập biểu mẫu và tính toán bằng phần mềm excel. Sau đó dựa trên biểu mẫu đã thống kê, tác giả tiến hành so sánh và phân tích các nội dung đánh giá các vấn đề nghiên cứu.

4.3. Phương pháp kiểm tra chi nghiệm mẫu ngẫu nhiên

Vin là cỡ mẫu, N là số lượng tổng thể, e là sai số tiêu chuẩn.

$$n = \frac{N}{1 + N(e)^2}$$

Dựa theo phương pháp kiểm tra mẫu ngẫu nhiên trên cỡ số bị剔 tổng N= 2.139 (số lượng doanh nghiệp thu thuế khu vực KTTN ngành hàng dệt may), sai số e=10%.

Dựa theo công thức tính, tác giả có $n = N/(1+N*e^2) = 2.139/(1+2.139*(0,1)^2) = 85,5$. Như vậy, cỡ mẫu xác định là ít nhất 96 doanh nghiệp. Chọn tác giả phát 100 phiếu kiểm tra doanh nghiệp thu thuế khu vực KTTN ngành hàng dệt may và thu được 100 phiếu hồi đáp.

4.4. Phương pháp chuyên gia, chuyên khảo

Thông qua việc tham khảo ý kiến các chuyên gia: Trong lĩnh vực kinh tế, chính sách, doanh nghiệp. Lãnh đạo thành phố Huế, các sở, ban ngành, giám đốc các doanh nghiệp. Tiếp thu, phân tích và vấn đề có liên quan vào việc thực hiện tài.

5. Kết luận tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và phần lời cảm ơn, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của tài liệu kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế tư nhân

Chương 2: Thực trạng phát triển kinh tế tư nhân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Chương 3: Phân tích nguyên nhân và giải pháp phát triển kinh tế tư nhân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Chương 1

C S LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

V PHÁT TRIỂN KINH TẾ T NHÂN

1.1. C s lý lu n v phát tri n kinh t t nhân

1.1.1. M t s khái ni m c b n

1.1.1.1. Khái ni m v kinh t t nhân

Kinh t t nhân là m t lo i hình kinh t phát tri n d a trên s h u t nhân v toàn b các y u t s n xu t (c h u hình và vô hình) c a vào s n xu t kinh doanh. Nó hoàn toàn t ch , t ch u trách nhi m v toàn b ho t ng s n xu t kinh doanh, d ch v , c th là: t ch v v n, t ch v qu n lý, t ch v phân ph i s n ph m, t ch l a ch n hình th c t ch c, quy mô, ph ng h ng s n xu t kinh doanh, t ch u trách nhi m v k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh tr c pháp lu t c a Nhà n c [5].

Khu v c kinh t t nhân: Là khu v c kinh t bao g m nh ng n v c t ch c d a trên s h u t nhân.

Hi n nay, có r t nhi u cách hi u khác nhau v kinh t t nhân. các qu c gia phát tri n thì m i ho t ng kinh t không thu c khu v c kinh t nhà n c thì u c coi là khu v c kinh t t nhân.

Theo Ngh quy t Trung ng 5 (khóa IX) v ti p t c i m i c ch chính sách khuy n khích và t o i u ki n phát tri n kinh t t nhân ã kh ng nh r ng kinh t t nhân g m: kinh t cá th , ti u ch , kinh t t b n t nhân “là m t khu v c kinh t , là b ph n c u thành quan tr ng c a n n kinh t qu c dân và vi c phát tri n kinh t t nhân c coi là v n chi n l c lâu dài trong phát tri n kinh t nhi u thành ph n nh h ng xã h i ch ngh a, góp ph n quan tr ng trong th c hi n th ng l i nhi m v trung tâm là phát tri n kinh t , công nghi p hóa, hi n i hóa, nâng cao n i l c c a t n c trong h i nh p kinh t qu c t ” [12].

Các lo i hình doanh nghi p thu c khu v c KTTN là doanh nghi p t nhân, công ty trách nhi m h u h n, công ty c ph n, công ty h p danh. Các lo i doanh

nghi p này là hình th c t n t i c a thành ph n kinh t t b n t nhân, d a trên s h u t nhân l n v t li u s n xu t.

i h i toàn qu c l n th X c a ng (2006) trên c s ba ch s h u (toàn dân, t p th , t nhân) hình thành nhi u hình th c s h u và nhi u thành ph n kinh t : kinh t nhà n c, kinh t t p th , kinh t t nhân (cá th , ti u ch , t b n t nhân), kinh t t b n nhà n c, kinh t có v n u t n c ngoài. Nh v y, l n u tiên ng ta kh ng nh kinh t t nhân là m t thành ph n kinh t , ng th i kh ng nh “các thành ph n kinh t ho t ng theo pháp lu t u là b ph n h p thành quan tr ng c a n n kinh t th tr ng nh h ng xã h i ch ngh a, bình ng tr c pháp lu t, cùng phát tri n lâu dài, h p tác và c nh tranh lành m nh... kinh t t nhân có vai trò quan tr ng, là m t trong nh ng ng l c c a n n kinh t [7].

i h i XI c a ng còn ra nh ng ch tr ng, chính sách nh m: hoàn thi n c ch chính sách phát tri n kinh t t nhân tr thành m t trong nh ng ng l c c a n n kinh t . Phát tri n m nh các lo i hình kinh t t nhân h u h t các ngành, l nh v c kinh t theo quy nh c a pháp lu t. T o i u ki n các t p oàn kinh t t nhân và t nhân góp v n vào kinh t nhà n c... khuy n khích phát tri n các lo i hình doanh nghi p v i nhi u hình th c s h u h n h p nh : công ty c ph n, công ty trách nhi m h u h n, công ty h p danh [9].

Chi n l c phát tri n kinh t - xã h i 2011-2020 ã xác nh “Phát tri n b n v ng là yêu c u xuyên su t trong chi n l c”; “Phát huy t i a nhân t con ng i; coi con ng i là ch th , ngu n l c ch y u và là m c tiêu c a s phát tri n” [9]. V n ki n i h i XI c a ng kh ng nh: “Hoàn thi n c ch , chính sách phát tri n m nh kinh t t nhân tr thành m t trong nh ng ng l c c a n n kinh t . Phát tri n m nh các lo i hình kinh t t nhân h u h t các ngành, l nh v c kinh t theo quy ho ch và quy nh c a pháp lu t. T o i u ki n hình thành m t s t p oàn kinh t t nhân và t nhân góp v n vào các t p oàn kinh t nhà n c” [9]. “Các thành ph n kinh t ho t ng theo pháp lu t u là b ph n h p thành quan tr ng c a n n kinh t , bình ng tr c pháp lu t, cùng phát tri n lâu dài, h p tác và c nh tranh lành m nh” [9].

Vấn đề nổi bật ở XII của Đảng ta là những nội dung như: “Hoàn thiện chính sách khuyến khích, tạo thuận lợi phát triển kinh tế nhân lực các ngành và lĩnh vực kinh tế, trở thành một ngành quản lý kinh tế. Hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và văn hóa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế nhân lực và tài nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước” [10]. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) nhấn mạnh quan trọng đối với các thành phần kinh tế: “Kinh tế nhân lực là một ngành quản lý” [10].

Như vậy, có thể hiểu KTTN là khu vực kinh tế gắn liền với sức người nhân, bao gồm doanh nghiệp cá nhân trong nước: DNTN, công ty TNHH (mà thành viên; 2 thành viên trở lên), công ty cổ phần, công ty hợp danh và hợp tác xã, kinh doanh cá thể, tiểu thủ công nghiệp.

1.1.1.2. Khái niệm về phát triển kinh tế nhân lực

* Khái niệm về phát triển:

Phát triển kinh tế nhân lực là tính chất của những biến đổi đang diễn ra trong thực tiễn. Phát triển kinh tế nhân lực là một thuộc tính phổ biến của tất cả các thực thể. Mục tiêu và hướng đi của phát triển kinh tế nhân lực không tồn tại trong trạng thái bất biến, mà trải qua một loạt các trạng thái khác nhau khi xuất hiện những lúc tiêu vong. Phát triển kinh tế nhân lực là một tính chất chung của tất cả những biến đổi này. Nguyên nhân của phát triển kinh tế nhân lực là sự thay đổi và tranh chấp các mặt lợi ích. Phát triển kinh tế nhân lực là chuyển hóa những thay đổi về lợi ích thành những thay đổi về chất, và ngược lại theo quy luật vật lý. Chỉ có những phát triển kinh tế nhân lực là sự vận động xoay tròn [6].

* Khái niệm về phát triển kinh tế:

Phát triển kinh tế nhân lực bao hàm ý nghĩa rộng rãi trong kinh tế, vì trong tất cả các ngành kinh tế, thu nhập bình quân hàng đầu là thước đo về sự thịnh vượng, chất lượng cuộc sống. Về khía cạnh chất lượng, PTKT có ý nghĩa rộng rãi trong sản phẩm chất lượng của kinh tế, nó bao gồm những tiến bộ về các khía cạnh văn hóa, xã hội, chính trị. Cho nên, PTKT không phải chỉ là sự tăng trưởng, vì nó có những mục tiêu khác với sự tăng trưởng đơn thuần của tăng sản phẩm quốc dân. Sự phát triển kinh tế nhân lực là sự vận động xoay tròn [6].

triển là quá trình mà xã hội tiến trình thoả mãn các nhu cầu mà xã hội coi là cần. PTKT cũng xem xét trình độ và các vấn đề ba khía cạnh chính:

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) hay tổng sản phẩm quốc dân (GNP) tính theo đúng. Đây là chỉ tiêu hàng đầu, thể hiện vị thế và vị trí trong thái kinh tế, sự tăng trưởng và sự phát triển của một nước. Nhưng xét về mặt chi tiêu, còn phải xem xét năng suất lao động chung và năng suất của các ngành, các vùng khác nhau, thu nhập của các tầng lớp dân cư và của các vùng khác nhau.

- Mục tiêu thoả mãn các nhu cầu xã hội được coi là cần, tức là các chỉ tiêu xã hội và phát triển; chúng phản ánh chi tiêu của sự phát triển xét về nội dung phương thức sinh hoạt kinh tế như tiêu chuẩn bình quân, calo theo đúng, tiêu chuẩn chi tiêu.

- Các vấn đề kinh tế, tính chất và sự thay đổi của nó.

+ Phát triển kinh tế theo chi tiêu (PTKTTTCR):

Phát triển kinh tế bằng cách tăng số lượng lao động, khai thác thêm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tăng thêm tài sản cố định và tài sản lưu động trên cơ sở kỹ thuật mới. Trong giai đoạn một nước kinh tế chậm phát triển, như giai đoạn kinh tế chậm khai thác và sản xuất, nhất là như giai đoạn chậm có việc làm thì PTKTTTCR là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhưng giai đoạn chi tiêu coi trọng phát triển kinh tế theo chi tiêu sâu. Nó thể hiện chi tiêu tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân và đưa vào lực lượng lao động và tài sản cố định, và đưa vào chi tiêu chi tiêu, kỹ thuật, công nghệ và tăng năng suất lao động. Tuy nhiên, PTKTTTCR có những giới hạn, mang tính hạn chế kinh tế - xã hội thấp. Vì vậy, phương hướng cần và lâu dài là phải chuyển sang phát triển kinh tế theo chi tiêu sâu

+ Phát triển kinh tế theo chi tiêu sâu (PTKTTCS):

Phát triển kinh tế chủ yếu dựa vào chi tiêu chi tiêu, áp dụng công nghệ tiên tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật, chi tiêu chi tiêu sản xuất và phân công lao động, sản xuất hợp lý và có hiệu quả các nguồn nhân tài, vật lực hiện có. Trong giai đoạn hiện nay, nhưng nhân tố phát triển theo chi tiêu hàng đầu, các cách mạng khoa học - kỹ thuật trên thế giới ngày càng phát triển mạnh mẽ vì những tiến bộ mới về vật lý và tin học, công nghệ mới, vật lý mới, công nghệ sinh học sẽ thúc đẩy các nước coi trọng chuyển sang PTKTTCS. Kết quả PTKTTCS được biểu hiện